

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HS-ST

Ngày: 14/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Anh Thư

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hòa B, sinh năm 1954 tại H; HKTT: Xóm 7, xã S, HT; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Q (đã chết) và bà: Hoàng Thị Nguyệt C (đã chết); Có vợ là Trần Thị T (sinh năm 1952); Có 4 con: con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1990; Danh chỉ bản số 748, lập ngày 24/9/2019 tại Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, Thanh Hóa theo bản án số 38/2019/HSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H; Có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Đoàn Chí T, sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà ..., ngách .., ngõ .., phường M, quận H, thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hòa B làm nghề nhận công trình để thầu xây dựng, không có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến Cục kỹ thuật thuộc Tổng cục Hậu cần để xin việc làm. Năm 2012, qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Hòa B quen biết ông Đoàn Chí T (sinh năm 1958). Ông T giới thiệu cho bà Lê Thị M gặp Nguyễn Hòa B làm việc về nội dung xin việc cho con trai bà M là anh Trương Quốc B (sinh năm 1987, địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh H) vào Cục kỹ thuật thuộc Tổng cục hậu cần Bộ công an. Nguyễn Hòa B hẹn bà M mang tiền ra Hà Nội. Ngày 26/8/2012, bà M và Nguyễn Hòa B tiến hành việc giao nhận tiền tại nhà ông Đoàn Chí T tại địa chỉ số nhà .., ngách .., ngõ .., phường M, quận H, thành phố H. Tại đây, bà M đã đưa cho B số tiền 209.000.000 đồng có sự chứng kiến của ông T, anh B và vợ ông T là bà Trần Lệ H (sinh năm 1959; địa chỉ số nhà .., ngách .., ngõ .., phường M, quận H, thành phố H). Nguyễn Hòa B đã viết giấy biên nhận, ông T đã ký vào giấy biên nhận thay mặt bà M, B hứa nếu không xin được việc thì sẽ hoàn lại đầy đủ số tiền trên. Một năm sau đó, B không xin được việc cho con bà M như đã cam kết. Ngày 8/11/2013, bà M đã báo cáo với Công an xã Sơn Trường, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh về nội dung sự việc. Công an xã Sơn Trường đã mời Nguyễn Hòa B lên làm việc, B công nhận việc trên là đúng và B đã trả cho bà M 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại B viết giấy biên nhận đến ngày 31/12/2013 sẽ trả hết (có biên bản giấy hẹn trả tiền). Đến hẹn, Nguyễn Hòa B vẫn không trả số tiền trên và bỏ trốn khỏi địa phương. Gia đình bà M không liên lạc được và đã tìm kiếm Nguyễn Hòa B nhưng không được.

Tháng 12/2018, bà Lê Thị M có gửi đơn tố giác Nguyễn Hòa B đến Công an huyện Hương Sơn và được công an huyện hướng dẫn gửi đơn tố giác B đến Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Do bà M ở xa nên đã viết giấy ủy quyền cho ông Đoàn Chí T đến gửi đơn tố giác B tại Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Ngày 16/01/2019 ông Đoàn Chí T đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Ngày 29/01/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai đã có Quyết định ủy thác điều tra số 10 ủy thác cho cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra công huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh để tiến hành xác minh nội dung liên quan đến tố giác.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, lời khai của Nguyễn Hòa B, bà Lê Thị M, ông Đoàn Chí T, anh Trương Quốc B, bà Trần Lệ H đều khai nhận phù hợp nội dung sự việc như đã nêu trên.

Ngày 06/3/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hòa B tại: 01 giấy nhận tiền viết tay đề ngày 26/8/2012, 01 giấy viết tay tiêu đề “Gửi em M” với giấy hẹn trả tiền viết tay đề ngày 08/10/2013 do Nguyễn Hòa B viết. Tại Kết luận giám định số 1962/KLGD-PC09 ngày 03/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên Ng Hòa B trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1); Chữ viết mực màu xanh và chữ ký dưới mực “Ký nhận” ở mặt trước, chữ viết, chữ ký đứng tên Ng Hòa B ở mặt sau mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký đứng tên Ng Hòa B trên mẫu so sánh (ký hiệu M) ***là chữ do cùng một người viết và ký ra.***

Về dân sự: bà Lê Thị M yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 209.000.000 đồng, bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại bị can không có khả năng khắc phục buộc bị cáo phải bồi thường cho bà.

Tại Bản cáo trạng số 72/CT-VKS-HM ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố Nguyễn Hòa B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hòa B khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bị hại là bà Lê Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Lê Thị M đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Hòa B với mức hình phạt từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tổng hợp với hình phạt 6 năm tù của bản án số 38 ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Hòa B; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hòa B phải trả cho bà Lê Thị M số tiền 207.000.000 đồng; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 26/8/2012 tại địa chỉ số nhà .., ngách .., ngõ .., phường M, quận H, thành phố H, bị cáo Nguyễn Hòa B đã dùng thủ đoạn đưa ra thông tin về việc có khả năng xin việc vào làm tại Cục kỹ thuật thuộc Tổng cục hậu cần Bộ công an. Do tin tưởng B nên bị hại là bà Lê Thị M đã giao cho bị cáo B số tiền 209.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo viết giấy nhận tiền để người bị hại tin tưởng, nhưng không thực hiện xin việc như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt luôn số tiền 209.000.000 đồng và bỏ trốn.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất lòng tin trong nhân dân, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, trị giá tài sản mà bị cáo lừa và chiếm đoạt được là 209.000.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn mục đích có tiền chi tiêu cho bản thân, mặc dù bị cáo không có chức năng và cũng không có khả năng xin việc, nhưng bị cáo vẫn cố ý đưa ra những thông tin gian dối nhằm tạo lòng tin có khả năng xin việc nhằm chiếm đoạt tiền của người khác. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hòa B đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực nhưng so sánh giữa Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì mức hình phạt của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ

sung năm 2017 áp dụng cho bị cáo cũng tương tự Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Hòa B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét ngày 18/9/2019, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 5 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức; tổng hợp hình phạt của 02 tội là 06 năm tù tại bản án số 38/2019/HSST; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 15/5/2019. Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bản án số 38/2019/HSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xảy ra sau thời điểm với hành vi phạm tội của bị cáo bị xét xử lần này nên không xác định hành vi phạm tội của bị cáo là tái phạm, nhưng cũng thấy bị cáo là người coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng cho bị cáo hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa chung và cần phải tổng hợp hình phạt của bản án số 38/2019/HSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình với hình phạt của bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, đã xác định bị cáo chiếm đoạt của bà Lê Thị M số tiền 209.000.000 đồng. Bị cáo đã trả được 2.000.000 đồng. Bị hại là bà Lê Thị M yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền là 207.000.000 đồng. Đối với đề nghị của bị hại là yêu cầu chính đáng và phù hợp với pháp luật nên buộc bị cáo Nguyễn Hòa B phải trả cho bà Lê Thị M số tiền là 207.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hòa B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47, Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hòa B 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 6 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo Nguyễn Hòa B phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 13 (Mười ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 587, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Hòa B phải trả cho bà Lê Thị M số tiền 207.000.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hòa B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.350.000 (Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh